

CÔNG TY TNHH KIM KHÍ NHẤT PHÁT VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIM KHÍ NHẤT PHÁT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAT PHAT VIET NAM METALLIC COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NP Vietnam Co.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110727214

3. Ngày thành lập: 24/05/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm 1 Bắc, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966519031

Fax:

Email: nhatphat7289@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ nổ cát)	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ đầu giá)	4512
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4541
9.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ thiết bị y tế)	4659
13.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức hợp báo)	8230
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (loại trừ dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đấu giá độc lập, dịch vụ lấy lại tài sản, trừ đấu giá)	8299
18.	Quảng cáo (Trừ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cầm quảng cáo)	7310
19.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
20.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
21.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
22.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
23.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
24.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
25.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
26.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
27.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại) ⁴	2599(Chính)
28.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
29.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
30.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
31.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
32.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
33.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
34.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
35.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
36.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
37.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
38.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ đấu giá)	4789
39.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	4799

40.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
41.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (loại trừ hoạt động phát hành chương trình truyền hình)	5913
42.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
43.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
44.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
45.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
46.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
47.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
48.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
49.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
50.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
51.	Tái chế phế liệu	3830
52.	Xây dựng nhà để ở	4101
53.	Xây dựng nhà không để ở	4102
54.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
55.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
56.	Xây dựng công trình điện	4221
57.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
58.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
59.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
60.	Xây dựng công trình thủy	4291
61.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
62.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
63.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
64.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
65.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4312
66.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
67.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	Việt Nam	Xóm 1 Bắc, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	250.000.000	50,000	001080040009	
2	NGUYỄN THỊ NGOAN	Việt Nam	Thôn Thọ Đa, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	250.000.000	50,000	001189006867	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 15/06/1980

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001080040009

Ngày cấp: 23/07/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Xóm 1 Bắc, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm 1 Bắc, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội